

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/DS-ST
Ngày: 01-6-2025
V/v “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Gái.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Rê.

Ông Nguyễn Tấn Rôn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lữ Minh Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 01 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2025/DSST ngày 06 tháng 02 năm 2025 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phùng Thị G - sinh năm 1969 - Địa chỉ: ấp V, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim G1, sinh năm 1994; Địa chỉ: khu phố D, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. (văn bản ủy quyền ngày 03-3-2025) (có mặt)

Bị đơn: Bà Phùng Thị Kim H - sinh năm 1983; Địa chỉ: ấp V, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T - sinh năm 1979; Địa chỉ: ấp V, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các đơn khởi kiện đề ngày 09-01-2025, 06-02-2025, 25-02-2025, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Phùng Thị G do bà Trần Thị Kim G1 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 30-7-2023 (âm lịch), bà Phùng Thị Kim H cùng chồng là ông Nguyễn Văn T vay của bà G số tiền 680.000.000 đồng, tiền lãi mỗi tháng 7.000.000 đồng, có làm biên nhận do bà H ký tên. Theo thỏa thuận, ngoài tiền lãi của khoản vay thì bà H phải thanh toán cho bà G số tiền gốc trả dần mỗi tháng 8.000.000 đồng. Như vậy, mỗi tháng bà H phải thanh toán cho bà G số tiền 15.000.000 đồng.

Tuy nhiên, từ ngày 30-8-2023 (âm lịch) đến ngày 29-9-2024 (âm lịch) tương ứng từ ngày 14-10-2023 (dương lịch) đến ngày 31-10-2024 (dương lịch), bà H chỉ thanh toán tiền lãi cho bà G 15 tháng. Tổng cộng 90.380.000 đồng, chưa thanh toán tiền gốc.

Tháng 02-2024 (âm lịch) (nhằm ngày 07-4-2024 dương lịch), bà H, ông T tiếp tục vay của bà G số tiền 84.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 5%/tháng, có làm biên nhận do bà H ký tên. Bà H, ông T chưa thanh toán khoản lãi nào.

Bà G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà H và ông T có nghĩa vụ trả cho bà G số tiền: 832.242.000 đồng.

(trong đó: 764.000.000 đồng tiền gốc và 68.242.000 đồng tiền lãi, tiền lãi được tính như sau: đối với khoản vay 680.000.000 đồng tiền lãi tạm tính từ ngày 01-11-2024 (dương lịch) đến ngày xét xử 01-6-2025 là 07 tháng x 7.000.000 đồng/tháng = 49.000.000 đồng; đối với khoản vay 84.000.000 đồng tiền lãi tạm tính từ ngày 07-4-2024 (dương lịch) đến ngày xét xử 01-6-2025 là 13 tháng 24 ngày x 1,66% x 84.000.000 đồng = 19.242.000 đồng).

Tại bản tự khai ngày 07-3-2025, quá trình tố tụng bị đơn bà Phùng Thị Kim H trình bày:

Năm 2019, bà vay của bà G 05 lần là 100.000.000 đồng và 50.000.000 đồng bà G lấy vải dùm bà. Tổng cộng 150.000.000 đồng, lãi suất từ 50.000 đồng đến 90.000 đồng cho một triệu đồng. Mục đích vay làm vốn mua bán vải, ông T hoàn toàn không biết gì về việc bà vay tiền bà G. Bà và ông T là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn nhưng ông T không sử dụng khoản tiền bà vay, đến khi bà G đến nhà đòi nợ bà bỏ đi ngày 22-10-2024 thì ông T mới biết. Do việc buôn bán vải gặp khó khăn nên không có khả năng trả lãi cho bà G. Bà G cộng dồn tiền lãi vào tiền gốc và tiếp tục tính lãi. Tháng 7-2023, bà G yêu cầu bà ký vào giấy nợ 680.000.000 đồng, vì sợ bà G nói việc bà vay mượn nợ cho gia đình bà biết nên bà viết giấy nợ theo mẫu của bà G đưa, bà không nhận số tiền 680.000.000 đồng. Đối với giấy nợ 84.000.000 đồng cũng là tiền lãi.

Bà đồng ý trả cho bà G số tiền 832.242.000 đồng. Ông T không biết khoản vay này nên chỉ mình bà trả cho bà G.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Phùng Thị G khởi kiện “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Phùng Thị Kim H và ông Nguyễn Văn T, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn ông T được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng ông không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích chính đáng của ông, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

[3] Về nội dung: Xét việc bà G yêu cầu bà H ông T có nghĩa vụ trả 832.242.000 đồng (trong đó: 764.000.000 đồng tiền lãi và 68.242.000 đồng tiền lãi), Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1] Về tiền gốc 764.000.000 đồng: Lời trình bày của bà G phù hợp giấy vay tiền ngày 30-7-2024 (âm lịch), 02-2024 (âm lịch) bà G cung cấp số tiền bà G vay tổng cộng 764.000.000 đồng. Bà H thừa nhận chữ ký ở 02 biên nhận là của bà, tuy nhiên bà vay của bà G tổng cộng 150.000.000 đồng, do bà G cộng vốn và lãi nên yêu cầu bà ký, bà không nhận tiền. Lời trình bày của bà H không có chứng cứ chứng minh. Ông T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp chứng cứ chứng minh bà H tài vay của bà G vào mục đích cá nhân, không ủng hộ chung cho sinh hoạt gia đình, trong khi bà H trình bày bà vay tiền bà G để mua bán vải. Vì vậy, ông T là chồng hợp pháp của bà H, nên có nghĩa vụ liên đới đối với giao dịch do bà H thực hiện theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân gia đình. Vì vậy, xét bà H vay của bà G 764.000.000 đồng chưa trả nên bà H và ông T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà G 764.000.000 đồng theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2] Về tiền lãi 68.242.000 đồng: Bà G yêu cầu bà H ông T có nghĩa vụ liên đới trả là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận. Vì bà G yêu cầu thời gian tính lãi, lãi suất đúng với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Từ các nhận định trên, cần buộc bà H ông T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà G 832.242.000 đồng.

[5] Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 trong việc tính lãi chậm thi hành án.

[6] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy:

[6.1] Bà G không phải chịu tiền án phí, hoàn lại cho bà G tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6.2] Bà H, ông T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà G số tiền 832.242.000 đồng, nên có nghĩa vụ liên đới chịu 36.967.260 đồng tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị G về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Phùng Thị Kim H và ông Nguyễn Văn T.

Buộc bà Phùng Thị Kim H và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phùng Thị G số tiền 832.242.000 đồng (tám trăm ba mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Buộc bà Phùng Thị Kim H và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới chịu 36.967.260 đồng (ba mươi sáu triệu, chín trăm sáu mươi bảy nghìn, hai trăm sáu mươi đồng) tiền án phí.

Bà Phùng Thị G không phải chịu tiền án phí. Trả lại cho bà G 17.854.860 đồng (mười bảy triệu, tám trăm năm mươi bốn nghìn, tám trăm sáu mươi đồng) tiền tạm ứng án phí (theo Biên lai thu số 0004947 ngày 06-02-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ).

3. Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 01-6-2025). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Thị Gái